KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (SAP)

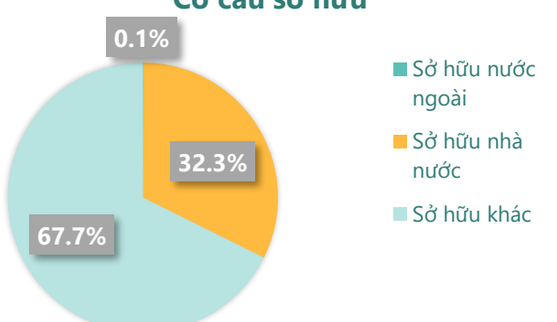
CTCP In sách giáo khoa TP Hồ Chí Minh

Ngày 15/01/2024	31,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	-	-

DT thuần 2023	LN thuần 2023	LN sau thuế 2023	Tỷ lệ lãi EBIT 2023	ROE 2023
tỷ VNĐ	*tỷ VNĐ*	*tỷ VNĐ*		
#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!		

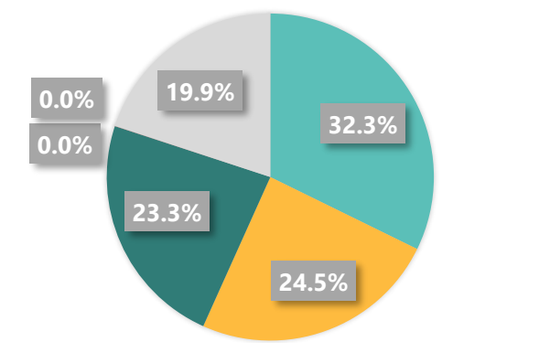
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	31,900 - 69,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	41
Số lượng CPLH (CP)	1,286,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.50)
EPS	
P/E	

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

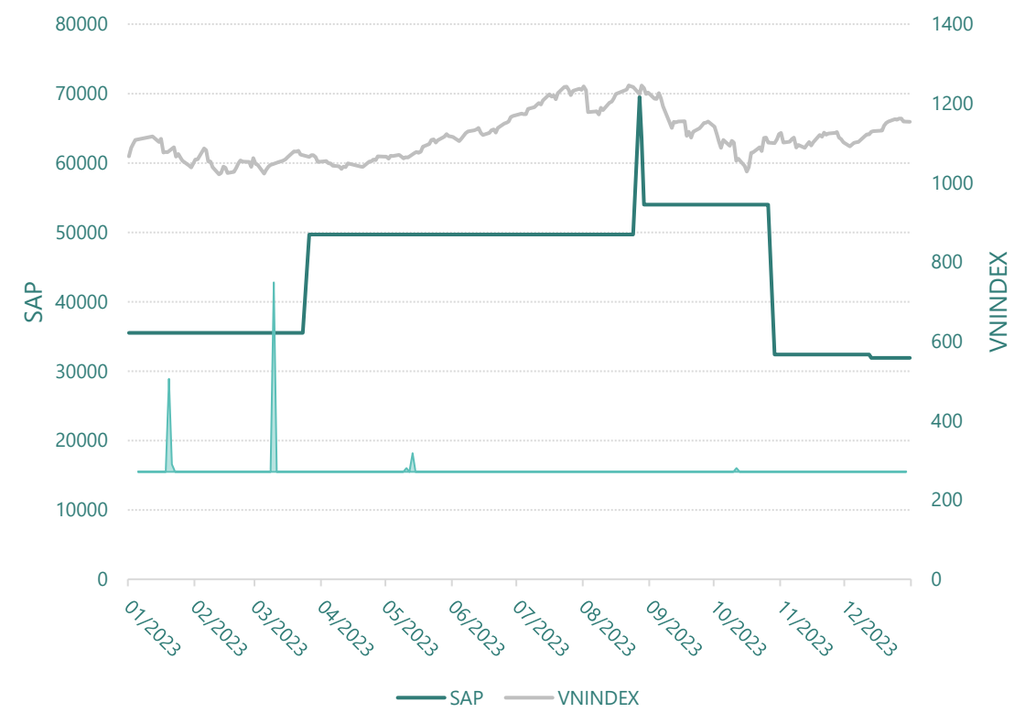
Cơ cấu cổ đông



- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- Công ty TNHH Đầu tư Xuất Nhập Khẩu Viễn Đông
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bến Thành
- Đỗ Thành Lâm (Thành viên HĐQT)
- Vũ Thị Nụ
- Khác

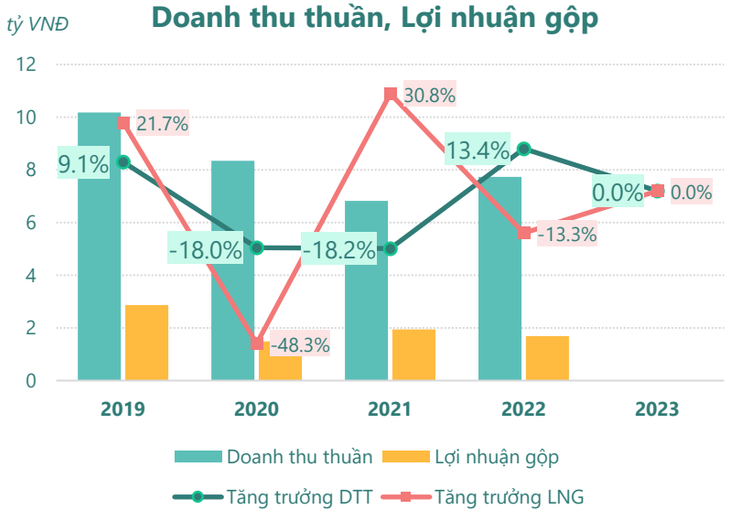
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



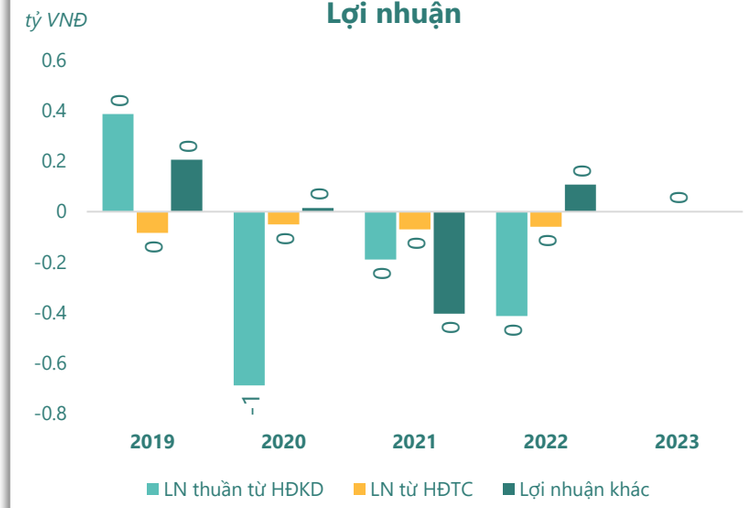
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



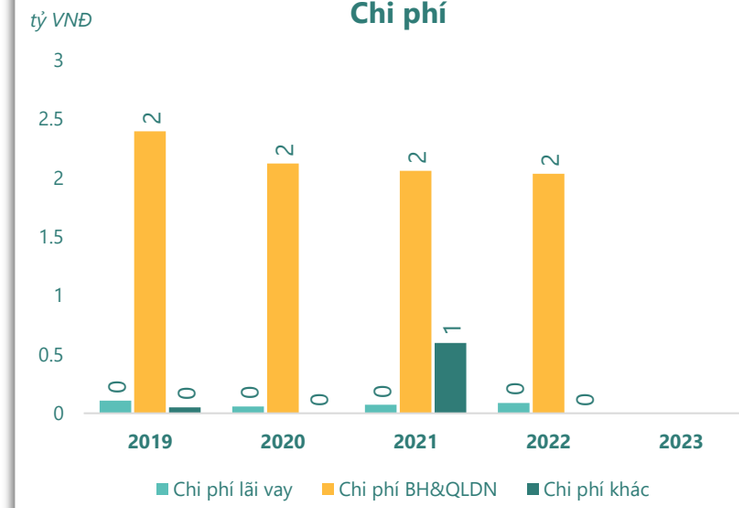
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



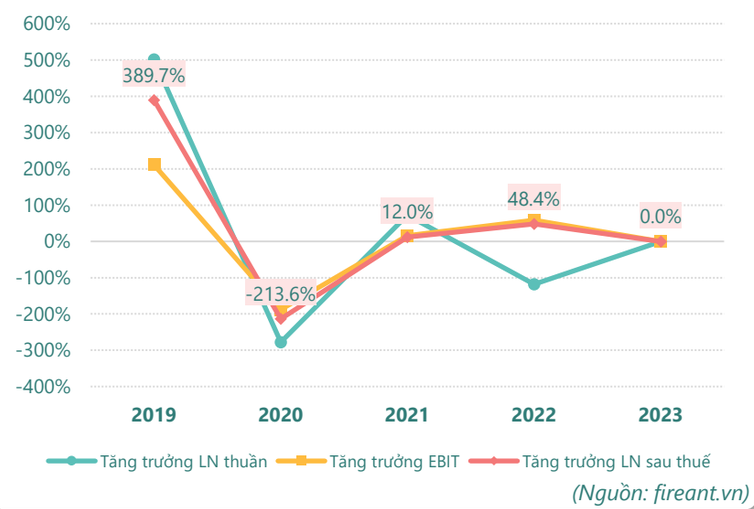
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



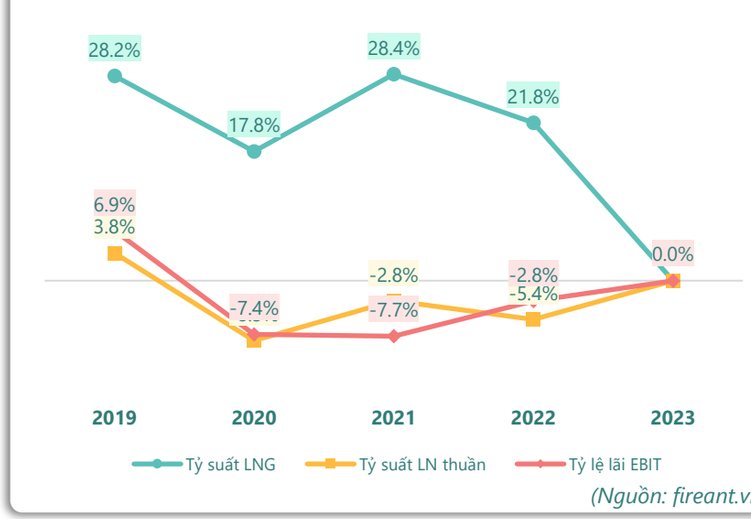
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



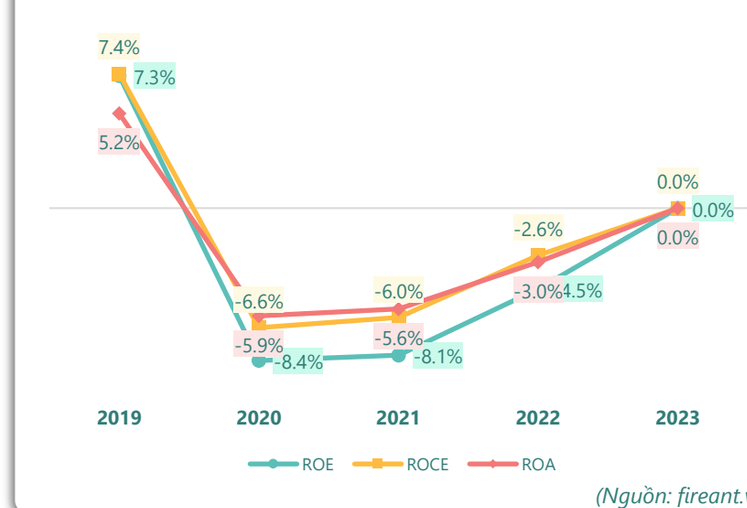
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

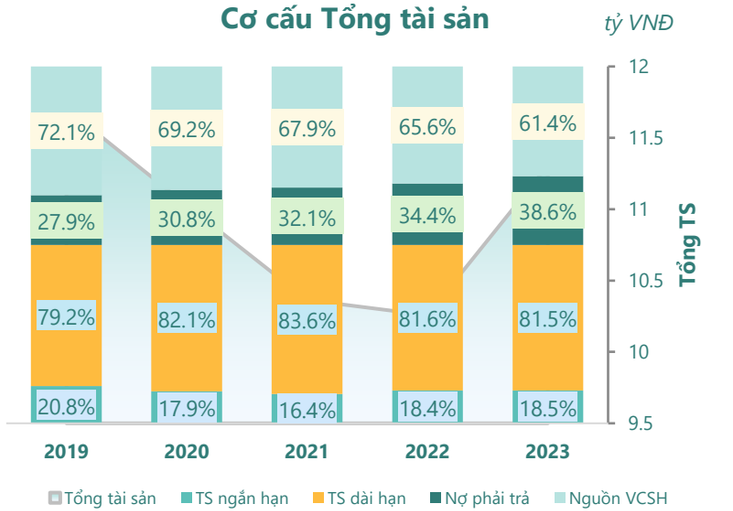
ROE - ROCE - ROA



(Nguồn: fireant.vn)

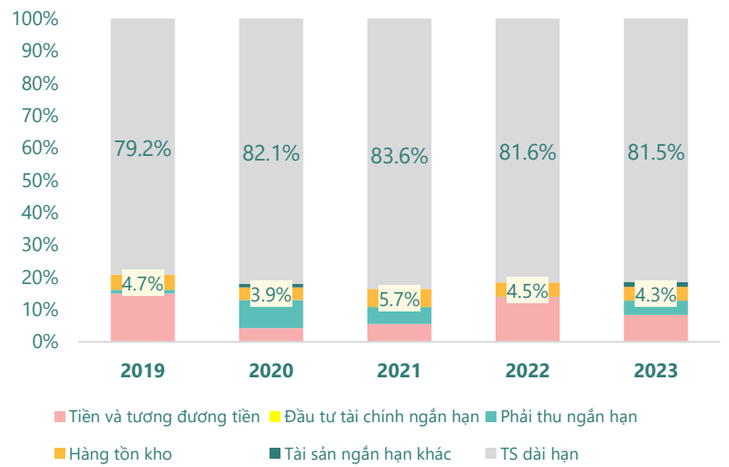
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



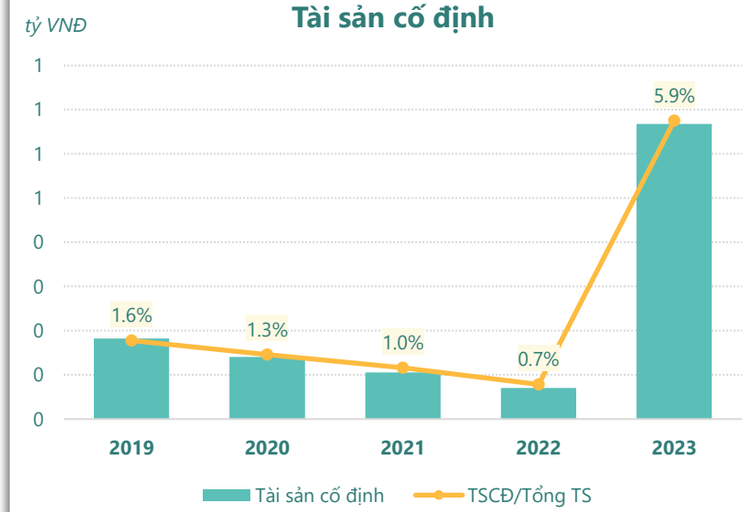
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



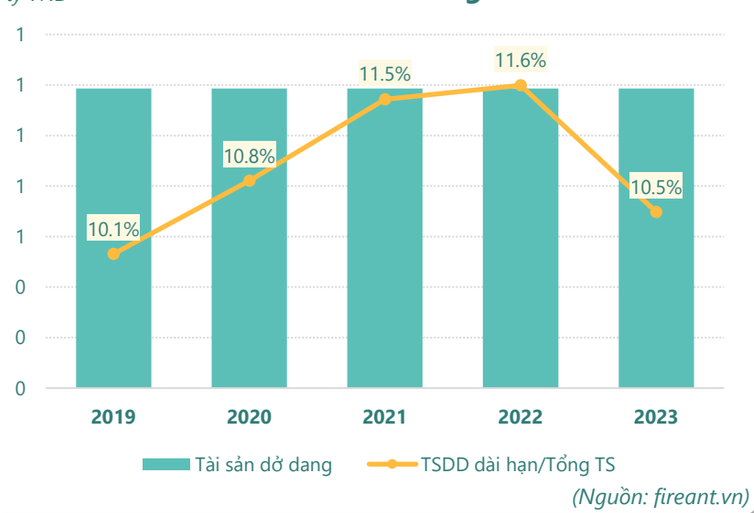
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



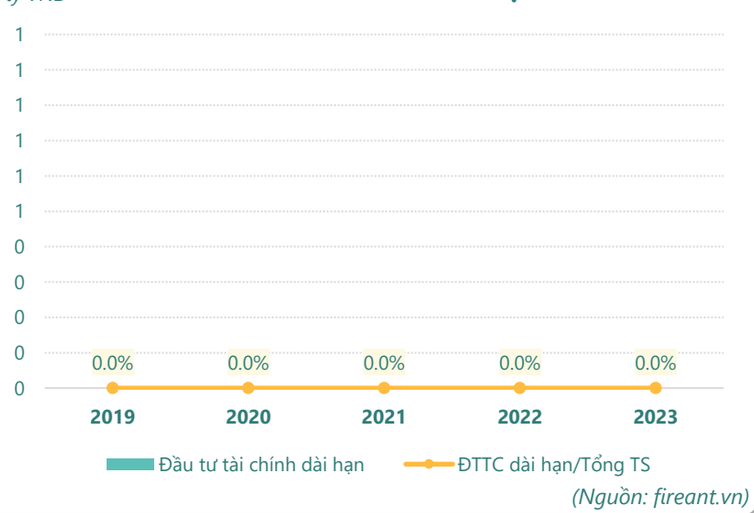
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



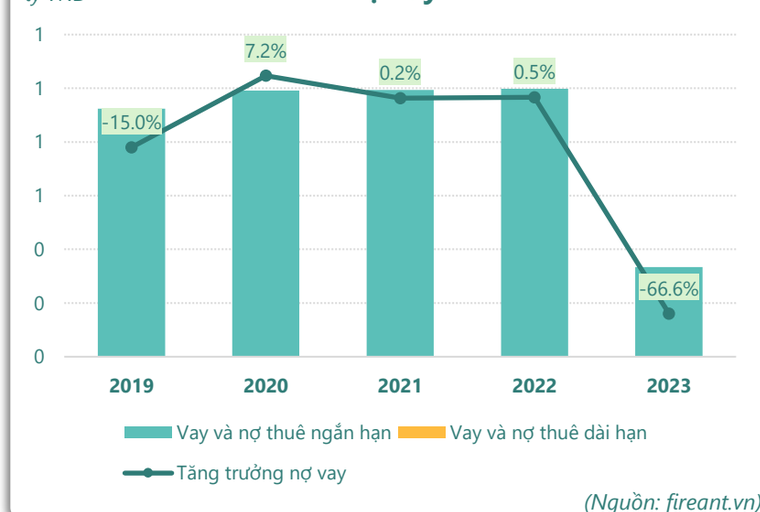
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

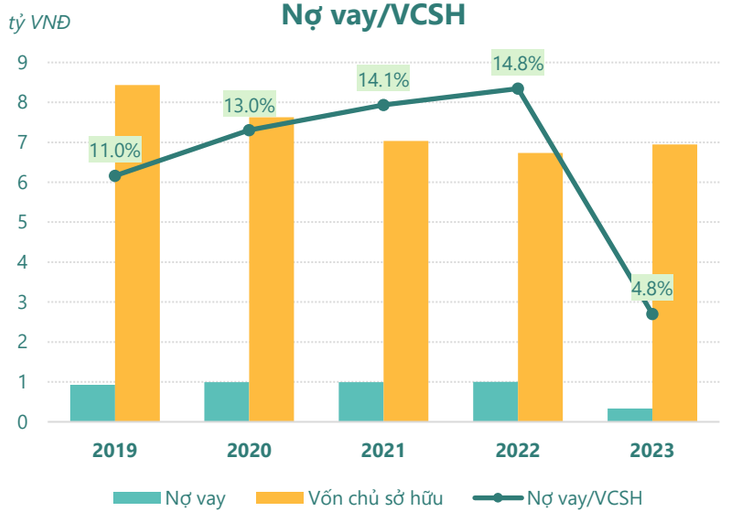
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

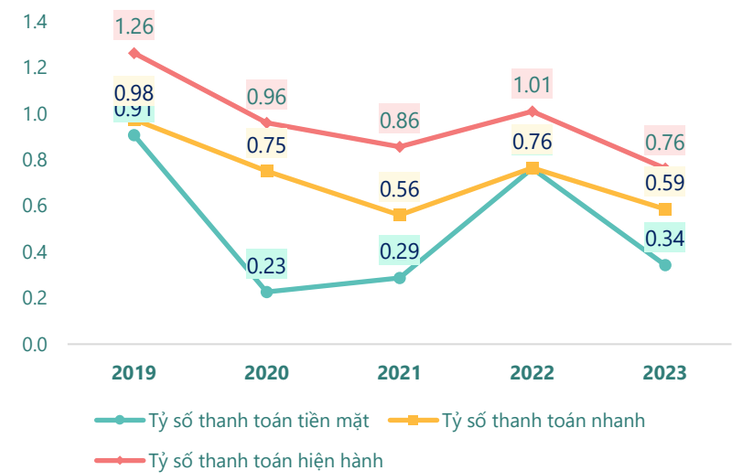
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



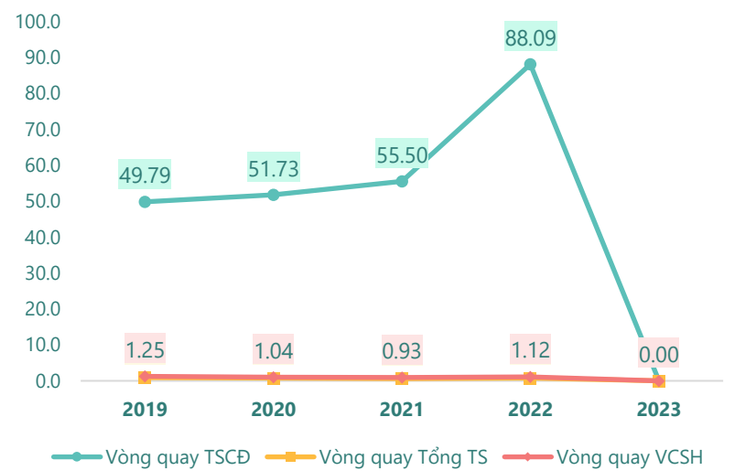
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



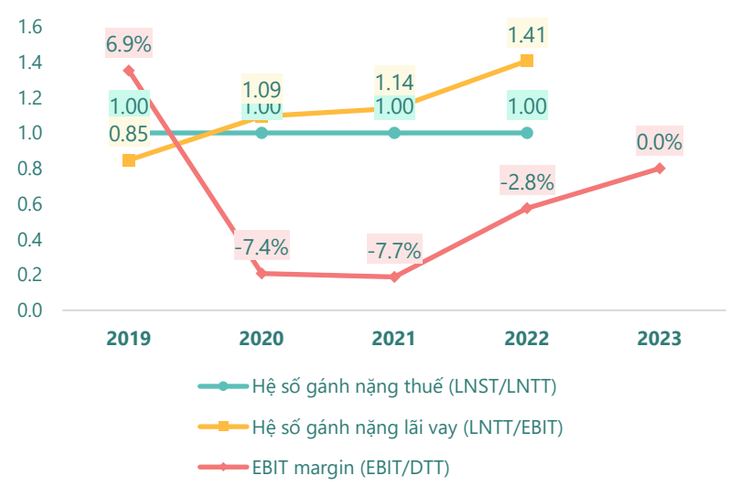
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



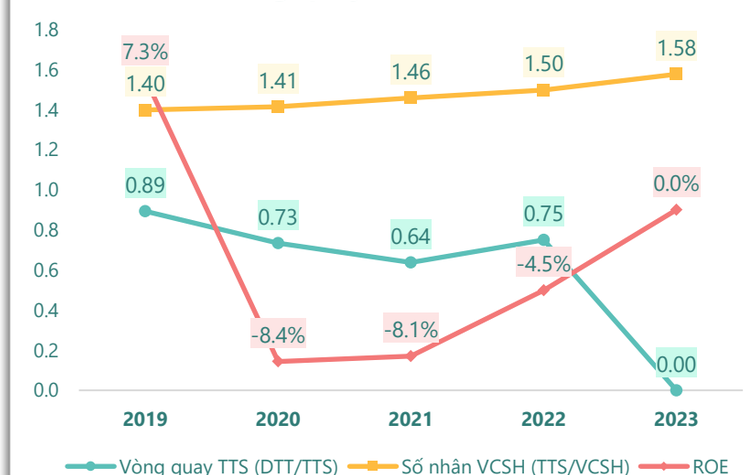
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



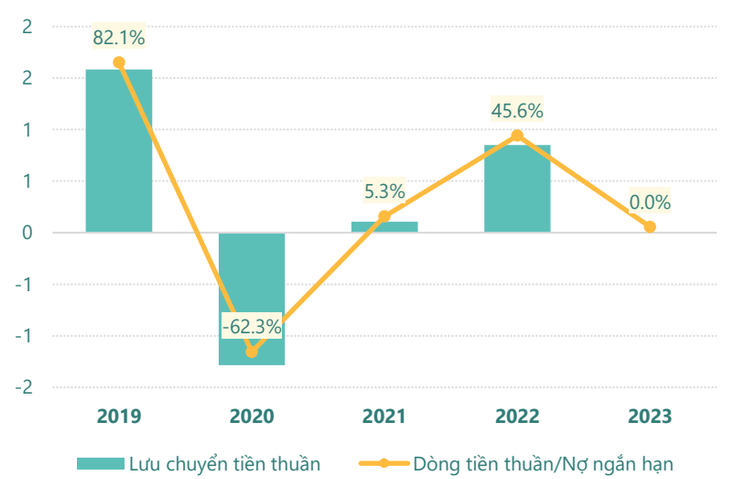
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**8.35**	**6.83**	**7.74**	
Giá vốn hàng bán	6.86	4.88	6.05	
Lợi nhuận gộp	**1.48**	**1.94**	**1.68**	
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.03	
Chi phí TC	0.06	0.07	0.09	
Chi phí lãi vay	**0.06**	**0.07**	**0.09**	
LN trong công ty LKLD	0	0	0	
Chi phí bán hàng	0.20	0.20	0.21	
Chi phí QLDN	1.92	1.86	1.83	
LN thuần từ HĐKD	**-0.69**	**-0.19**	**-0.41**	
Lợi nhuận khác	0.01	-0.40	0.11	
LN trước thuế	**-0.68**	**-0.59**	**-0.31**	
Lợi nhuận sau thuế	**-0.68**	**-0.59**	**-0.31**	
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.68**	**-0.59**	**-0.31**	

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.37	-0.09	0.82	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.19	0.03	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.07	0.00	0.01	0
Tiền đầu kỳ	1.75	0.47	0.57	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.28**	**0.11**	**0.85**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.47	0.57	1.42	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023
TỔNG TÀI SẢN	**11.0**	**10.4**	**10.3**	**11.3**
Tài sản ngắn hạn	**1.98**	**1.70**	**1.89**	**2.09**
Tiền và tương đương tiền	0.47	0.57	1.42	0.94
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	0.96	0.54	0.01	0.50
Hàng tồn kho	0.43	0.59	0.46	0.49
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0	0	0.16
Tài sản dài hạn	**9.05**	**8.66**	**8.37**	**9.22**
Phải thu dài hạn	0.20	0.20	0.20	0.84
Tài sản cố định	0.14	0.11	0.07	0.67
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.19	1.19	1.19	1.19
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.52	7.17	6.91	6.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3.40**	**3.33**	**3.53**	**4.36**
Nợ ngắn hạn	**2.06**	**1.99**	**1.87**	**2.74**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.99	0.99	1.00	0.33
Phải trả người bán ngắn hạn	0.39	0.36	0.26	0.42
Nợ dài hạn	**1.34**	**1.34**	**1.66**	**1.63**
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7.63**	**7.04**	**6.73**	**6.94**
Vốn chủ sở hữu	**7.63**	**7.04**	**6.73**	**6.94**
Vốn điều lệ	12.9	12.9	12.9	12.9
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	**0**	**0**

(Nguồn: fireant.vn)